

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20/8/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Vinh

*Các Thẩm phán:* + Ông Đinh Huy Lương

+ Bà Phạm Thị Tuyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký Tòa án nhân dân  
tỉnh Ninh Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:***  
Ông Tạ Đức Vọng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 7  
năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng  
5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2019/QĐPT-HNGĐ  
ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ hiện nay: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 33, phân trại 4, trại giam Ninh Khánh.

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa có mặt chị Lê Thị T; anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử  
vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2013 tại Ủy  
ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống

hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh Nguyễn Văn H không tu chí làm ăn, chơi cờ bạc. Năm 2015, anh Nguyễn Văn H bị xét xử về tội đánh bạc và phải chấp hành án 5 năm 6 tháng tù. Trong thời gian chấp hành án, chị vẫn đến thăm nuôi nhưng vì bản tính anh Nguyễn Văn H hay ghen tuông nên anh chị vẫn thường xuyên cãi nhau, anh Nguyễn Văn H có lời lẽ xúc phạm chị làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung là cháu Nguyễn Mai Linh Đ, sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013 hiện nay cháu đang ở với chị. Anh Nguyễn Văn H đang chấp hành án tại trại giam Ninh Khánh nên chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2019, anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2015, do anh phạm tội đánh bạc và bị phạt 5 năm 6 tháng tù nên phải chấp hành án tại phân trại 4, trại giam Ninh Khánh. Trong thời gian này, chị Lê Thị T đến thăm nuôi anh một vài lần nhưng không có mâu thuẫn gì xảy ra. Anh không hiểu tại sao chị Lê Thị T lại làm đơn ly hôn anh, anh vẫn còn tình cảm với chị Lê Thị T nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị Lê Thị T vẫn nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Anh và chị Lê Thị T có một con chung như chị Lê Thị T trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T thì đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh và chị Lê Thị T không có tài sản chung, công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện N đã áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án hội quy định về mức thu án phí Tòa án, quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai Linh Đ sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013 cho chị Lê Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N với nội dung: Chị Lê Thị T không có việc làm, không có chỗ ở nay đây mai đó, không có trách nhiệm với gia đình và con cái; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại phần nuôi con chung theo hướng giao cháu Nguyễn Mai Linh Đ sinh ngày 22 tháng 11 năm 2013 cho mẹ đẻ anh là bà Đinh Thị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Tại bản tự khai ngày 12/8/2019, Bị đơn không rút đơn kháng cáo.

**Chị Lê Thị T trình bày:** Hiện nay chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, chị đang cùng một người bạn mở cửa hàng đồ uống và đồ ăn vặt, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/1 tháng. Cháu Nguyễn Mai Linh Đ hiện đang sinh sống cùng chị, đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Nguyễn Mai Linh Đ cho chị nuôi dưỡng để bảo đảm việc sinh hoạt và học tập bình thường của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Anh Nguyễn Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H nhận thấy:

Tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã Q huyện N cung cấp: Bản thân anh H chơi cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình. Do điều kiện anh H đang đi chấp hành án không đảm bảo để nuôi dạy cháu nên giao cháu cho chị Lê Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ngày 30 tháng 6 năm 2019, bà Đinh Thị Thủy (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H) có đơn đề nghị với nội dung: Hiện con trai tôi đang thi hành án nên quý Tòa xử cho chị Lê Thị T được quyền nuôi con là đúng.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị Lê Thị T có đơn đề nghị có xác nhận của Công an xã Hải Hòa, huyện T, tỉnh Thanh Hóa về việc chị có đăng ký tạm trú tại gia đình bố đẻ là ông Lê Văn Tân tại thôn Vĩnh Tiến, xã Hải Hòa. Ngày 16/8/2019 chị Lê Thị T có bản tự khai có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện T, tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Chị Lê Thị T có cửa hàng kinh doanh đồ uống và đồ ăn vặt tại Tiểu khu 5, thị trấn G, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, thu nhập là 7.000.000 đồng/tháng. Như vậy, chị Lê Thị T có việc làm, có thu nhập và có điều kiện trong việc nuôi dưỡng con chung. Anh Nguyễn Văn H cho rằng chị Lê Thị T không có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập là không có căn cứ. Mặt khác, anh Nguyễn Văn H hiện đang chấp hành án tại phân trại 4, trại giam Ninh Khánh đồng thời anh Nguyễn Văn H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định: Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử xét thấy: Để bảo đảm việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; tạo điều kiện cho cháu Nguyễn Mai Linh Đ phát triển về thể chất và trí tuệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Mai Linh Đ cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H về việc giao con chung cho bà Đinh Thị Thủy trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000199 ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (2);
- Phòng KTNV-THA (1)
- Chi cục THA huyện N (1);
- TAND huyện N (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP, tòa DS (2)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Tạ Văn Vinh**